

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án
“Nhà máy sản xuất găng tay y tế Bình Phước, công suất 350 triệu
sản phẩm/năm” do Công ty Cổ phần Găng tay Bình Phước làm Chủ đầu tư
tại lô A9.1, KCN Chơn Thành I, xã Thành Tâm,
huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước**

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

*Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy
định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa
đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành
Luật Bảo vệ môi trường;*

*Theo đề nghị của Ban Quản lý Khu kinh tế sau khi lấy ý kiến của cơ quan, tổ
chức, chuyên gia về việc thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự
án “Nhà máy sản xuất găng tay y tế Bình Phước, công suất 350 triệu sản
phẩm/năm”;*

*Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy
sản xuất găng tay y tế Bình Phước, công suất 350 triệu sản phẩm/năm” đã được
chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 01/CV-GTBP ngày 04/01/2022 của Công
ty Cổ phần Găng tay Bình Phước;*

*Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tại Tờ trình số
02/TTr-BQL ngày 17/01/2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự
án “Nhà máy sản xuất găng tay y tế Bình Phước, công suất 350 triệu sản
phẩm/năm” (sau đây gọi là Dự án) do Công ty Cổ phần Găng tay Bình Phước (sau
đây gọi là Chủ Dự án) thực hiện tại lô A9.1, KCN Chơn Thành I, xã Thành Tâm,

huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật (trừ trường hợp được miễn tham vấn).
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Chơn Thành, Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Găng tay Bình Phước và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 4;
- UBND xã Thành Tâm;
- Lãnh đạo VP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT (BH-04-QĐPD-19/01) *SK*

Kí. **CHỦ TỊCH**
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Anh Minh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
“NHÀ MÁY SẢN XUẤT GĂNG TAY Y TẾ BÌNH PHƯỚC,
CÔNG SUẤT 350 TRIỆU SẢN PHẨM/NĂM”
DO CÔNG TY CỔ PHẦN GĂNG TAY BÌNH PHƯỚC
LÀM CHỦ ĐẦU TƯ TẠI LÔ A9.1, KCN CHƠN THÀNH I,
XÃ THÀNH TÂM, HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC
(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../... của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Tên Dự án: Nhà máy sản xuất găng tay y tế Bình Phước, công suất 350 triệu sản phẩm/năm.

1.2. Địa điểm thực hiện: Lô A9.1, KCN Chơn Thành I, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

1.3. Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Găng tay Bình Phước.

Địa chỉ liên hệ: Lô A9.1, KCN Chơn Thành I, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

1.4. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

Dự án “Nhà máy sản xuất găng tay y tế Bình Phước công suất 350 triệu sản phẩm/năm” được thực hiện trên tổng diện tích 10.000,3 m² tại lô A9.1, KCN Chơn Thành I, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước bao gồm các hạng mục công trình hiện hữu và công trình xây dựng mới, mở rộng, cải tạo như sau:

- Công trình chính: Nhà xưởng 1, nhà xưởng 2, nhà xưởng 3, nhà lò dầu tải nhiệt, nhà văn phòng.

- Công trình bảo vệ môi trường: Bể tự hoại, hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải lò dầu tải nhiệt, hệ thống xử lý mùi, bụi, kho chứa chất thải rắn thông thường, kho chứa chất thải nguy hại...

- Đường giao thông nội bộ, sân, cây xanh và các công trình phụ trợ khác.

1.5. Công nghệ sản xuất của Dự án:

1.5.1. Quy trình công nghệ sản xuất găng tay cao su:

Chuẩn bị nguyên liệu: Mủ cao su latex (đã qua sơ chế) → Nghiền và trộn với phụ gia → Lưu hóa cao su → Tách chiết → Cao su lưu hóa (1).

Dây chuyền sản xuất: Khuôn → Nhúng hóa chất → Rửa nước → Sấy khuôn → Nhúng chất đông kết → Sấy đông kết → Nhúng mủ cao su lưu hóa (1) → Sấy tiền lưu hóa → Nhúng mủ lần 2 → Sấy lần 2 → Lội nước → Sấy lưu hóa → Se viền → Làm nguội → Bể clo hóa → Trung hòa → Lội nước → Sấy → Tuốt găng tay → Kiểm tra, đóng gói → Thành phẩm.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- *Tác động trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án và lắp đặt máy móc thiết bị:* Bụi và khí thải từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị, từ hoạt động xây dựng; nước thải sinh hoạt; nước thải xây dựng; chất thải rắn xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải nguy hại...

- *Tác động trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:* Bụi, khí thải từ các phương tiện vận tải ra vào nhà máy; bụi, khí thải từ quá trình sản xuất; nước thải sinh hoạt; nước thải sản xuất; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn sản xuất; chất thải nguy hại...

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

2.2.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Nước thải sinh hoạt:* Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công phát sinh khoảng 02 m³/ngày, chủ yếu chứa các thành phần gồm BOD₅, COD, TSS, tổng N, tổng P, amoni, dầu mỡ động, thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, coliforms...

- *Nước thải xây dựng:* Phát sinh khoảng 4,1 m³/ngày, chủ yếu chứa bùn, đất cát, xi măng, dầu mỡ...

2.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Nước thải sinh hoạt:* Phát sinh khoảng 14,5 m³/ngày bao gồm nước thải phát sinh từ quá trình sinh hoạt và hoạt động bếp ăn, thành phần có chứa các chất lơ lửng, chất hữu cơ, các chất cặn bã, dầu mỡ và vi sinh vật...

- *Nước thải sản xuất:* Phát sinh khoảng 80 m³/ngày bao gồm nước thải từ các công đoạn sản xuất, nước thải vệ sinh nhà xưởng, nước thải từ quá trình xử lý bụi, mùi hôi, nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò dầu tải nhiệt... Nước thải sản xuất có pH thấp và chứa các chất ô nhiễm như: cặn lơ lửng, chất hữu cơ...

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

2.3.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc thiết bị phục vụ thi công xây dựng và từ hoạt động xây dựng:* Chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, NO_x, CO, VOC.

- *Khí thải từ các hoạt động cơ khí:* Quá trình hàn phát sinh chủ yếu là bụi và hơi kim loại.

2.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển ra vào nhà máy:* Thành phần khí thải gồm bụi, SO₂, NO₂, CO.

- *Bụi, khí thải từ quá trình sản xuất:* Chủ yếu phát sinh từ công đoạn sản xuất (pha trộn, lưu hóa, sấy, clo hóa...), khí thải lò dầu tải nhiệt. Thành phần các chất ô nhiễm chủ yếu gồm bụi, SO₂, NO_x, CO, NH₃, H₂S, Cl₂...

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.4.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Chất thải rắn xây dựng:* Phát sinh khoảng 112 tấn cho tổng quá trình thi công xây dựng, chủ yếu là bao bì giấy, ni lông, phế thải xây dựng, sắt thép vụn...
- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân thi công phát sinh 13 kg/ngày, thành phần gồm rau, vỏ hoa quả, giấy, vỏ đồ hộp...

2.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Chất thải rắn công nghiệp thông thường:* Khối lượng phát sinh khoảng 19,1 tấn/tháng gồm bao bì thải, tro xỉ từ lò dầu tải nhiệt, váng nổi cao su...
- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Phát sinh khoảng 127 kg/ngày gồm chất hữu cơ (rác thực phẩm), giấy, ni lông, vỏ chai lọ, đồ hộp bằng nhựa hoặc kim loại...

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

2.5.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị: Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 52 kg cho tổng quá trình thi công xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị, chủ yếu là giẻ lau dính dầu mỡ, dầu nhớt thải, cặn sơn, que hàn thải, bóng đèn huỳnh quang thải...

2.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành: Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 612,8 kg/tháng gồm bóng đèn huỳnh quang; bao bì mềm thải (bao ni lông dính dầu nhớt, hóa chất thải); bao bì cứng thải bằng kim loại; bao bì cứng thải bằng nhựa; giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại; dầu thải; pin thải; hộp mực in thải; vật liệu lọc thải; bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải; bùn từ hệ thống xử lý khí thải lò dầu tải nhiệt.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt:* Sử dụng nhà vệ sinh hiện hữu, xử lý qua bể tự hoại hiện hữu và đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Chơn Thành I.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng:* Được thu gom vào hố ga chắn rác, nước thải sau khi lắng cặn được thu gom, đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Chơn Thành I để tiếp tục xử lý.

- *Yêu cầu bảo vệ môi trường:* Nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng phải được thu gom và xử lý theo quy định, không thải bỏ ra môi trường.

3.1.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải:* Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 100 m³/ngày.đêm để xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải từ quá trình sản xuất với quy trình xử lý như sau:

Nước thải sinh hoạt (sau bể tự hoại); nước thải nhà ăn (sau bể tách dầu mỡ; nước thải từ các công đoạn sản xuất, nước thải vệ sinh nhà xưởng (sau bể tách mỡ); nước thải từ quá trình xử lý khí thải lò dầu, nước thải từ quá trình xử lý bụi,



mùi → Bể điều hòa → Bồn keo tụ → Bồn tạo bông → Bể lắng → Bể anoxic → Bể SBR 1, 2 → Bể khử trùng → Đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Chơn Thành I.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình hoạt động của Dự án đạt tiêu chuẩn tiếp nhận đầu vào của KCN Chơn Thành I (cột B, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp) trước khi xả vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Chơn Thành I.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

3.2.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi và khí thải trong giai đoạn triển khai xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị*: Che chắn khu vực xây dựng, có kế hoạch thi công thích hợp, các thiết bị máy móc được sử dụng đảm bảo kỹ thuật, được bảo dưỡng thường xuyên, hệ thống giao thông nội bộ được bê tông hóa; bố trí bãi đỗ xe hợp lý cho công nhân...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ các hoạt động cơ khí*: Trang bị bảo hộ lao động gồm mắt kính, khẩu trang, găng tay cho công nhân thực hiện các hoạt động cơ khí tại công trình, bố trí thời gian làm việc hợp lý ...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Môi trường không khí khu vực thi công xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ các phương tiện vận tải ra vào nhà máy*: Kiểm tra kỹ thuật, bảo dưỡng xe định kỳ, bố trí bãi đậu xe hợp lý, trồng cây xanh trong khuôn viên nhà máy...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ hoạt động của 02 lò dầu tải nhiệt công suất 1,5 triệu kcal/giờ/hệ thống*: Đầu tư lắp đặt 02 hệ thống xử lý khí thải lò dầu tải nhiệt với quy trình công nghệ xử lý như sau: Khí thải → Thiết bị thu hồi nhiệt → Cyclone thu bụi → Tháp hấp thụ (dung dịch NaOH) → Quạt hút → Ống thải (chiều cao 25 m, đường kính 0,5 m).

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, mùi và hơi acid*: Nhà xưởng xây dựng thông thoáng, thông gió bằng quạt hút; đầu tư lắp đặt dây chuyền sản xuất hiện đại; định kỳ bảo trì, bảo dưỡng dây chuyền sản xuất; sử dụng chế phẩm giảm mùi trong nhà xưởng sản xuất; trang bị bảo hộ lao động cho công nhân...

Tại mỗi nhà xưởng, đầu tư lắp đặt 01 hệ thống xử lý bụi, mùi với quy trình xử lý như sau: Bụi, mùi → Chụp hút → Quạt hút → Lốp vật liệu lọc (bông sợi thủy

ting) → Tháp hấp thụ ướt → Bộ tách ẩm → Quạt hút → Ống khói (đường kính 0,4 m, chiều cao 14 m).

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất của Dự án đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (căn cứ lưu lượng nguồn thải phát sinh để áp dụng hệ số k_p phù hợp, $k_v=1$) và các quy định hiện hành. Môi trường không khí khu vực sản xuất đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường:

3.3.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Chất thải rắn xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị*: Thu gom toàn bộ chất thải rắn phát sinh, đối với phế thải xây dựng như chất thải như đất, cát, đá... được tận dụng để san lấp mặt bằng, các loại chất thải khác được thu gom, tập kết về khu vực lưu chứa chất thải xây dựng tạm và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Thu gom và lưu trữ trong các thùng chứa rác có nắp đậy, sau đó tập kết về khu vực lưu chứa chất thải sinh hoạt tạm và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Quản lý các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Bố trí các thùng chứa bằng nhựa, có nắp đậy để thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh, tập kết về khu vực kho chứa chất thải sinh hoạt có diện tích 20 m². Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Chất thải rắn công nghiệp thông thường*: Thu gom toàn bộ chất thải rắn công nghiệp thông thường, lưu giữ tại kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường với diện tích 20 m². Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Quản lý các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường các quy định của pháp luật hiện hành.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

3.4.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại, lưu giữ tạm thời trong các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng, đặt trong kho chứa chất thải nguy hại tạm với diện tích 09 m², có mái che, vách bao quanh, có gờ, rãnh rốn để thu gom chất thải nguy hại dạng lỏng... Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật về chất thải nguy hại.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo các quy định hiện hành.

3.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại, lưu giữ tạm thời trong các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng, đặt trong kho chứa chất thải nguy hại với diện tích 20 m², có mái che, vách bao quanh, có gờ, rãnh rốn để thu gom chất thải nguy hại dạng lỏng... Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật về chất thải nguy hại.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo các quy định hiện hành.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

3.5.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- Tất cả các phương tiện vận chuyển và máy móc thiết bị phục vụ Dự án phải đạt Tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn kỹ thuật và môi trường; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các phương tiện, máy móc; sắp xếp thời gian làm việc hợp lý...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị Dự án.

3.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn:* Thiết bị, máy móc mới, hiện đại, có chất lượng tốt đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật; thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, trang thiết bị; trang bị thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nhiệt dư:* Thiết kế nhà máy thông thoáng, bố trí hợp lý chiều cao nhà xưởng, trồng cây xanh trong khu vực nhà máy...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu tại nơi làm việc và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành

Dự án. Trồng, chăm sóc, duy trì cây xanh trong khuôn viên nhà máy, đảm bảo tỷ lệ diện tích đất cây xanh đạt tối thiểu 20% tổng diện tích của Dự án.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

3.6.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị: Thực hiện các biện pháp để phòng ngừa, ứng phó tai nạn lao động, tai nạn giao thông, các sự cố về cháy nổ... theo đúng nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và tuân thủ các quy định hiện hành.

3.6.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành: Áp dụng đầy đủ các biện pháp ứng phó, phòng ngừa sự cố môi trường đã đề xuất trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng chống cháy nổ, ứng cứu sự cố, rủi ro và các quy định khác của pháp luật trong toàn bộ hoạt động của Dự án. Trường hợp xảy ra sự cố ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe cộng đồng, Chủ Dự án phải chủ động tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố và khẩn trương báo cáo cho các cơ quan thẩm quyền để giải quyết sự cố theo quy định.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

- Công trình thu gom, thoát nước mưa, nước thải.
- Bể tự hoại 03 ngăn (số lượng: 01 bể, thể tích 16 m³); bể tách dầu mỡ (số lượng: 01 bể, thể tích 06 m³);
- Công trình, hệ thống xử lý nước thải công suất 100 m³/ngày.đêm.
- Công trình, hệ thống xử lý bụi, mùi hôi (số lượng: 03 hệ thống; công suất thiết kế: 3.000 m³/giờ/hệ thống).
- Công trình, hệ thống xử lý khí thải lò dầu tải nhiệt công suất 1,5 triệu kcal/giờ/hệ thống (số lượng: 02 hệ thống; công suất thiết kế: 6.000 m³/giờ/hệ thống).
- Khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt (số lượng: 01 kho, diện tích: 20 m²).
- Khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường (số lượng: 01 kho, diện tích: 20 m²).
- Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại (số lượng: 01 kho, diện tích: 20 m²).
- Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.
- Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án:

5.1. Giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

5.1.1. Giám sát môi trường không khí khu vực thi công xây dựng:

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí tại khu vực xây dựng.
- *Thông số giám sát:* Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, tiếng ồn, tổng bụi lơ lửng, NO₂, SO₂, CO.
- *Tần suất giám sát:* 01 lần trong suốt thời gian thi công xây dựng.



- *Quy chuẩn so sánh*: QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc và các quy định hiện hành.

5.1.2. Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát*: Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát*: Thành phần, khối lượng, chứng từ giao nhận

- *Tần suất giám sát*: Thường xuyên.

- *Quy định áp dụng*: Theo quy định hiện hành.

5.2. Giai đoạn vận hành thử nghiệm: Thực hiện theo các quy định hiện hành.

5.3. Giai đoạn vận hành thương mại:

5.3.1. Giám sát nước thải:

- *Vị trí giám sát*: 01 vị trí đầu vào hệ thống xử lý nước thải, 01 vị trí tại hố ga đầu nối với hệ thống thu gom nước thải của KCN Chơn Thành I.

- *Thông số giám sát*: Lưu lượng, pH, BOD₅, COD, chất rắn lơ lửng (TSS), tổng nitơ, tổng photpho, amoni, sunfua, dầu mỡ, coliform.

- *Tần suất giám sát*: 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh*: Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Chơn Thành I (cột B, QCVN 40:2011 BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp).

5.3.2. Giám sát khí thải tại nguồn:

- *Vị trí giám sát*: 02 vị trí tại 02 ống khói của hệ thống xử lý khí thải lò dầu tải nhiệt.

- *Thông số giám sát*: Lưu lượng, bụi, SO₂, NO_x, CO.

- *Tần suất giám sát*: 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh*: Cột B, QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (căn cứ lưu lượng nguồn thải phát sinh để áp dụng hệ số k_p phù hợp, k_v=1).

5.3.3. Giám sát môi trường không khí khu vực sản xuất:

- *Vị trí giám sát*: 01 vị trí tại khu vực nhà xưởng 1; 01 vị trí tại khu vực nhà xưởng 2; 01 vị trí tại khu vực nhà xưởng 3.

- *Thông số giám sát*: Nhiệt độ, độ ồn, bụi, CO, SO₂, NO₂, NO, NH₃, H₂S, Cl₂.

- *Tần suất giám sát*: 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng*: QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho

phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động và các quy định hiện hành.

5.3.4. Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát:* Thành phần, khối lượng, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên. Thực hiện báo cáo quan trắc môi trường định kỳ và gửi về Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước và Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Bình Phước.

- *Quy định áp dụng:* Theo quy định hiện hành.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

Các yêu cầu đối với Chủ Dự án:

6.1. Tuân thủ các quy định hiện hành về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

6.2. Tuân thủ các quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định hiện hành.

6.3. Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

6.4. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho Dự án.

6.5. Thực hiện việc đăng ký, công bố chất lượng các loại sản phẩm của Dự án trước khi thương mại hóa theo các quy định của pháp luật hiện hành (nếu có).

6.6. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

6.7. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

6.8. Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành./.

